

BỘ CÔNG NGHIỆP
Số: 11/2002/QĐ-BCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 1 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP
Về việc giao kế hoạch năm 2002

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định 74/CP ngày 01/11/1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công nghiệp ;
Căn cứ Quyết định số 196/2001/QĐ-TT ngày 27/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2002;
Căn cứ Quyết định số 156/2001/QĐ-BKH ngày 28/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 2002;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư;

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Giao các chỉ tiêu kế hoạch năm 2002 cho các Tổng Công ty, Công ty thuộc Bộ như phụ lục Quyết định này.
- Điều 2.** Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc các Tổng Công ty, Công ty có trách nhiệm tổ chức và tìm mọi biện pháp thực hiện để hoàn thành tốt kế hoạch được giao.
- Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ chức năng của Bộ theo chức năng, nhiệm vụ, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, tạo điều kiện cho đơn vị thực hiện tốt kế hoạch./.

DANH SÁCH CÁC TCT, CTY ĐƯỢC GIAO KH 2002

Tên doanh nghiệp	Trang
1. TCTy Đá quý - Vàng Việt nam	1
2. TCTy Khoáng sản Việt nam	2
3. TCTy Máy ĐL và máy NN	3

4. TCTy Máy và Thiết bị CN	4
5. TCTy Thiết bị kỹ thuật điện	5
6. TCTy Điện tử -Tin học	6
7. TCTy Da giày Việt Nam	7
8. TCTy Nhựa Việt nam	8
9. TCTy SS -TT CN	9
10. TCTy Rượu-Bia-nước Giải khát	10
11. TCTy Xây dựng CN	11
12. Công ty Sữa Việt nam	12
13. Công ty Kẹo Hải -Hà	13
14. Cty Kỹ Nghệ thực phẩm	14
15. Công ty Dầu thực vật -HL -MP	15
16. Nhà máy dầu Hà Bắc	16

CÁCCHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2002

CỦA TỔNG CÔNG TY ĐÁ QUÝ VÀ VÀNG VIỆT NAM

(Kèmtheo Quyết định số 11/2002/QĐ-BCN ngày 29/01/2002)

Chỉ tiêu kế hoạch	Đơn vị	Kế hoạch 2002
I. Giá trị sản xuất công nghiệp	Triệu đồng	22.050
II. Sản lượng các sản phẩm chủ yếu		
1. Đá quý thô các loại	Kg	65
2. Vàng	"	40
III. Tổng doanh thu	Triệu đồng	234.750
Trong đó : Doanh thu sản xuất CN	"	23.000

IV. Giá trị xuất khẩu	1.000 USD	940
V. Giá trị nhập khẩu	1.000 USD	100

Ghi chú : Về chỉ tiêu Giá trị công tác điều tra địa chất và đầu tư XD CB, Bộ sẽ giao sau.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2002
CỦA TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
(Kèm theo Quyết định số 11/2002/QĐ-BCN ngày 29/01/2002)

Chỉ tiêu kế hoạch	Đơn vị	Kế hoạch 2002
I. Giá trị sản xuất công nghiệp	Triệu đồng	277.219
II. Sản lượng các sản phẩm chủ yếu		
1. Thiếc thời	Tấn	920
2. Tinh quặng cromit	"	13.000
3. Tinh quặng đồng	"	2.700
4. Bột ôxit kẽm	"	4.400
5. Quặng kẽm	"	30.000
6. Quặng sắt	"	220.000
7. Ilmenhit	"	41.860
8. Đá tấm granit	m ²	30.000
9. Gạch tuynen	Triệu viên	54.165
III. Tổng doanh thu	Triệu đồng	480.853
Trong đó : Doanh thu sản xuất CN	"	387.103
IV. Giá trị xuất khẩu	1.000 USD	16.256

V. Giá trị nhập khẩu	1.000 USD	4.704
-----------------------------	-----------	--------------

Ghi chú : Về chỉ tiêu Giá trị công tác điều tra địa chất và đầu tư XD CB, Bộ sẽ giao sau.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2002
CỦA TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP
(Kèm theo Quyết định số 11/2002/QĐ-BCN ngày 29/01/2002)

Chỉ tiêu kế hoạch	Đơn vị	Kế hoạch 2002
I. Giá trị sản xuất công nghiệp	Triệu đồng	430.000
II. Sản lượng các sản phẩm chủ yếu		
1. Động cơ diesel các loại	Cái	24.000
2. Máy kéo và xe vận chuyển	"	2.700
3. Máy xay xát lúa gạo các loại	"	17.500
4. Vòng bi các loại	Vòng	600.000
5. Hộp số thủy các loại	Hộp	30.000
6. Bơm nước các loại	Cái	6.500
7. Ru lô cao su xay xát	Cặp	150.000
8. Phụ tùng máy động lực các loại	Triệu đồng	40.000
9. Phụ tùng xe máy các loại	"	50.000
10. Quạt điện dân dụng các loại	Cái	85.000
11. Thép xây dựng	Tấn	6.000
III. Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.050.000

Trong đó : Doanh thu sản xuất CN	"	450.000
IV. Giá trị xuất khẩu (*)	1.000 USD	9.500
<i>Sản phẩm xuất khẩu</i>		
- Động cơ diesel các loại	Cái	5.500
- Máy xay xát lúa gạo	"	500
- Bơm nước các loại	"	1.500
- Ru lô xay xát các loại	Cặp	44.000
- Phụ tùng động cơ các loại	1.000 USD	300
V. Giá trị nhập khẩu	1.000 USD	19.000
Trong đó : Giá trị nguyên vật liệu	"	1.441

(*) Tính cả giá trị xuất khẩu khác

Ghi chú: Về chỉ tiêu đầu tư XD CB, Bộ sẽ giao sau.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2002

CỦA TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số 11/2002/QĐ-BCN ngày 29/01/2002)

Chỉ tiêu kế hoạch	Đơn vị	Kế hoạch 2002
I. Giá trị sản xuất công nghiệp	Triệu đồng	376.835
II. Sản lượng các sản phẩm chủ yếu		
1. Máy công cụ	Cái	400
2. Bơm công nghiệp	"	780
3. Bơm nông nghiệp	"	750
4. Hàng quy chế	Tấn	1.200